

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**MINH PHU SEAFOOD CORP**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
*Năm 2009*

**TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH/ NIÊM YẾT :**

- Tên gọi công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**
- Tên giao dịch : **MINH PHU SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **MINH PHU SEAFOOD CORP.**
- Vốn điều lệ : **700,000,000,000 đ ( Bảy trăm tỷ đồng )**
- Địa chỉ : **Khu công nghiệp phường 8, TP. Cà mau, Tỉnh Cà mau**
- Điện thoại : **(0780) 3839391 -3581979** Fax : **(0780) 3833119-3820019**
- E-mail : **[minhphu@minhphu.com](mailto:minhphu@minhphu.com)**
- Website : **minhphu.com**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: **6103000072** do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày **12 tháng 05 năm 2006.**
- Mã số thuế : **2000393273**

**I- LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MINH PHÚ**

**1. Những sự kiện quan trọng :**

**1.1. Về việc thành lập :**

- Ngày 14 tháng 12 năm 1992, Doanh nghiệp tư nhân cung ứng hàng xuất khẩu Minh Phú được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 120 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh chính là thu mua, chế biến thủy sản để cung ứng cho các đơn vị trong nước xuất khẩu.
- Ngày 01 tháng 07 năm 1998, được đổi tên là Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú và đồng thời tăng vốn điều lệ lên thành 5 tỷ đồng.
- Từ ngày 17/04/2000 đến ngày 10/08/2000, Xí nghiệp tiếp tục tăng vốn điều lệ lên lần lượt lên 43,70 tỷ đồng và 79,60 tỷ đồng.
- Tháng 12 năm 2002, Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú được giải thể và thành lập Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Phú - TNHH với vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, ngành nghề kinh doanh chính của công ty là thu mua chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.
- Từ ngày 21/10/2003 đến ngày 31/05/2006, Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ lên lần lượt là 180 tỷ và 600 tỷ đồng , đồng thời chuyển từ mô hình công ty TNHH sang công ty cổ phần.
- Ngày 25/05/2007 công ty tăng vốn điều lệ từ 600 tỷ đồng lên 700 tỷ.
- Thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 12 năm 2007.
- Ngày 25 tháng 06 năm 2008, Góp vốn vào Công ty Mseafood USA 20 triệu USD chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Mseafood.
- Ngày 08 tháng 07 năm 2008, thành lập Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú sở hữu 100%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**1.2. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần :**

- Ngày 12 tháng 05 năm 2006, Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú chính thức được thành lập với vốn điều lệ là 600 tỷ đồng.

**1.3. Niêm yết :**

- Ngày 27/12/2006 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với 60.000.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

- Ngày 05/12/2007 cổ phiếu của Công ty chính thức hủy niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội. Bắt đầu giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM ngày 26/12/2007 với số lượng cổ phiếu niêm yết 70.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, giá chào sàn tham chiếu là 72.000 đồng/ cổ phiếu.

**1.4. Các sự kiện quan trọng khác:**

- Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú-Hậu Giang công suất 20.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 20 triệu USD. Dự kiến sẽ đi vào hoạt động quý I năm 2011.

**2. Quá trình phát triển :**

**2.1. Ngành nghề kinh doanh**

- Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu
- Nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và tư máy móc thiết bị, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản.
- Kinh doanh tòa nhà cao ốc, văn phòng cho thuê.

**2.2. Tình hình hoạt động**

**- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :**

| Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Năm 2007  | Năm 2008  | Năm 2009  |
|----------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|
| Sản lượng sản xuất   | Tấn         | 12.592,00 | 14.570,00 | 16.532,53 |
| Sản lượng xuất khẩu  | Tấn         | 11.679,10 | 13.877,58 | 16.096,25 |
| Kim ngạch xuất khẩu  | Triệu USD   | 144,99    | 156,10    | 158,67    |
| Tổng doanh thu thuần | Tỷ đồng     | 2.357,47  | 2.876,83  | 3.093,51  |
| Tổng lợi nhuận ròng  | Tỷ đồng     | 193,23    | (38,09)   | 242,86    |

**- Tình hình hoạt động đầu tư :**

+ Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý vốn điều lệ 200 tỷ đồng Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 195 tỷ đồng chiếm 97,50%.

+ Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát vốn điều lệ 100 tỷ đồng, Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 95 tỷ đồng chiếm 95,00%.

+ Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 49,55 tỷ đồng chiếm 99,10%.

+ Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú vốn điều lệ 30 tỷ đồng, Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 29,55 tỷ đồng chiếm 98,50%.

+ Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú ( Hậu Giang ) vốn điều lệ 90 tỷ, Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 100%. Hiện nay vẫn trong quá trình giải phóng mặt bằng. Dự kiến bắt đầu xây dựng vào quý III năm 2009, và đi vào hoạt động vào đầu quý III năm 2010.

+ Ngày 25 tháng 06 năm 2008, Góp vốn vào Công ty Mseafood USA 20 triệu USD chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Mseafood.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

+ Ngày 08 tháng 07 năm 2008, thành lập Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú sở hữu 100%.

+ Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú-Hậu Giang công suất 20.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 20 triệu USD. Dự kiến sẽ đi vào hoạt động quý I năm 2011.

### **3. Định hướng phát triển**

#### **3.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty**

- Năm 2010, Công ty chỉ tập chung vào ngành nghề sản xuất chính của mình đó là sản xuất tôm giống sạch bệnh, mở rộng diện tích nuôi tôm thương phẩm, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ cho nuôi trồng thủy sản và sản xuất chế biến tôm xuất khẩu.
- Minh phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.
- Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh phú thành thương hiệu mạnh.
- Tiếp tục triển khai mở rộng diện tích nuôi tôm công nghiệp sạch bệnh và liên kết với các lâm ngư trường ở Cà Mau nuôi tôm quảng canh cải tiến phấn đấu sẽ cung cấp phần lớn tôm nguyên liệu sạch cho các nhà máy chế biến của Minh Phú.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động.

#### **3.2. Chiến lược phát triển trung dài hạn :**

- Liên kết với các đơn vị sản xuất thức ăn cho tôm cho cá hàng đầu của Việt Nam, để đầu tư xây dựng nhà máy thức ăn cho tôm, cung cấp thức ăn cho các Công ty nuôi tôm, của Minh Phú tạo thành một quy trình sản xuất khép kín từ thức ăn, con giống sạch bệnh, nuôi tôm, thương phẩm sạch đến sản xuất chế biến xuất khẩu.
- Liên kết với các đơn vị sản xuất bao bì thùng Caston, bọc PA;PE hàng đầu của Việt Nam để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì cung cấp cho Công ty Minh Phú.
- Liên doanh với đối tác Singapore xây dựng cảng Container tại Hậu Giang.

## **THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Kính thưa quý cổ đông!**

Năm 2009, là năm ngành thủy sản Việt Nam gặp nhiều khó khăn nhất trong đó có Minh Phú, do cuộc khủng hoảng tài chính thế giới làm cho nền kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng suy thoái đặc biệt là nền kinh tế đầu tàu Mỹ. Nạn thất nghiệp tăng cao, người tiêu dùng thì thắt chặt chi tiêu và chỉ mua những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, chính vì vậy đã làm sức mua trên thị trường rất yếu nhất là thị trường Mỹ. Các nước nhập khẩu thì tăng cường kiểm tra dư lượng kháng sinh đối với hàng thủy sản Việt nam như : Nhật Bản, Úc, Eu...và đặc biệt là con tôm Việt Nam còn phải cạnh tranh rất khốc liệt với con tôm của các nước trong khu vực, do các nước trong khu vực phá giá đồng tiền của mình từ 15%-20% nên họ đã bán rẻ hơn tôm của Việt Nam chúng ta với tỷ lệ tương ứng. Bên cạnh đó tôm Việt nam còn phải cạnh tranh với tôm thẻ chân trắng ( Vannamei ) giá rẻ của Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia...

Nền kinh tế trong nước cũng không tránh khỏi những khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và nền kinh tế thế giới suy thoái. Các hộ nuôi tôm bị thua lỗ nặng nề từ năm 2008. Sang năm 2009 người nuôi tôm không còn vốn để tiếp tục đầu tư nuôi tôm tiếp mà chuyển sang nuôi con vật khác, hoặc để chổng ao, treo ao không nuôi nữa đã dẫn đến tình trạng khan hiếm nguyên liệu trầm trọng, các nhà máy muốn có tôm nguyên liệu để sản xuất và đảm bảo công ăn việc làm cho công nhân của mình thì buộc phải đẩy giá lên tranh nhau mua đã làm cho giá thành sản xuất có lúc cao hơn cả giá bán.

Năm 2009, là năm thực sự khó khăn nhưng bằng sự nỗ lực hết sức mình của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty. Năm 2009, Công ty đã sản xuất được 16.532,53 tấn tôm thành phẩm tăng 2,05% so với kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 158,67 triệu USD bằng 97,95% so với kế hoạch và chiếm gần 10% kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước. Về lĩnh vực nuôi tôm thương phẩm ở Kiên Giang, Cty đã thả được 151 hecta diện tích mặt nước và sản xuất được 2.699,35 tấn tôm thương phẩm đáp ứng hơn 10% nhu cầu tôm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến của Minh Phú. Trại sản xuất tôm giống ở Ninh Thuận cũng đã sản xuất được 797,26 triệu tôm Post đã từng bước chủ động được nguồn tôm giống sạch bệnh cho việc nuôi trồng ở Kiên Giang.

Năm 2010, chúng ta vẫn phải tiếp tục đối phó với những khó khăn nhiều hơn nữa, do vẫn còn ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế thế giới, đặc biệt là kinh tế Mỹ vẫn còn khó khăn. Việt nam là nền kinh tế mới nổi, đang hội nhập nên không tránh khỏi những ảnh hưởng của kinh tế thế giới thêm vào đó gói hỗ trợ lãi suất 4%/năm của Chính phủ cho các doanh nghiệp sản xuất không còn nữa. Khó khăn lớn nhất và khó giải nhất trong năm 2010 này vẫn là tôm nguyên liệu.

Để không ngừng phát triển và phát triển bền vững, xây dựng Minh Phú thành một tập đoàn kinh tế mạnh. Minh Phú phải không ngừng đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ lãnh đạo giỏi, có phẩm chất tốt, đồng thời không ngừng xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực vừa giỏi vừa chuyên. Minh phú luôn khuyến khích mọi nguồn nhân lực nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, công nghệ làm tăng năng suất, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Có như vậy Minh Phú mới tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông, và mang lại lợi ích to lớn cho mọi thành viên trong đại gia đình Minh Phú.

Nhân dịp này Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty xin gửi lời cảm ơn tới các đối tác, các cơ quan hữu quan và toàn thể cổ đông về sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đối với công ty Minh Phú trong suốt thời gian qua. Với sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

đó, Minh Phú sẽ tiếp tục phát triển ổn định, phát triển bền vững và vẫn là công ty hàng đầu của Việt Nam về xuất khẩu tôm trong giai đoạn tới. Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc kính chúc toàn thể cổ đông và cán bộ công nhân viên Công ty Minh Phú cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

**Trân trọng kính chào!**



## II - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2009.

- Công ty đã sản xuất được 16.532,53 tấn tôm thành phẩm tăng 6% so với kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 158,67 triệu USD bằng 97,95% so với kế hoạch và chiếm hơn 10% kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước. Về lĩnh vực nuôi tôm thương phẩm ở Kiên Giang, Cty đã thả được 151 hecta diện tích mặt nước và sản xuất được 2.699,35 tấn tôm thương phẩm đáp ứng hơn 10% nhu cầu tôm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến của Minh Phú. Trại sản xuất tôm giống ở Ninh Thuận cũng đã sản xuất được 797,26 triệu tôm Post đã từng bước chủ động được nguồn tôm giống sạch bệnh cho việc nuôi trồng ở Kiên Giang.

- Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú-Hậu Giang công suất 20.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 20 triệu USD. Dự kiến sẽ đi vào hoạt động quý I năm 2011.

### 2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính so với kế hoạch.

| Chỉ tiêu                | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2009 | Kế hoạch năm 2009 | So sánh với kế hoạch |
|-------------------------|-------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| 1- Vốn điều lệ          | Tỷ đồng     | 700                | 700,00            | 100,00%              |
| 2- Kim ngạch xuất khẩu  | Triệu USD   | 158,67             | 162,00            | 97,95%               |
| 3- Sản lượng sản xuất   | Tấn         | 16.532,53          | 16.200,00         | 102,05%              |
| 4- Tổng doanh thu thuần | Tỷ đồng     | 3.093,51           | 3.170,50          | 97,63%               |
| 5- Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng     | 254,50             | 236,00            | 107,84%              |
| 6- Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng     | 242,86             | 206,00            | 117,89%              |
| 7- Lãi cơ bản trên / CP | Đồng        | 3.417              | 2.943             | 116,11               |

### + Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất năm 2009

| THỊ TRƯỜNG | GIÁ TRỊ (USD) | TỶ LỆ % |
|------------|---------------|---------|
| MỸ         | 71.268.471,41 | 40,61   |
| NHẬT       | 19.628.868,65 | 12,97   |
| CANADA     | 19.402.160,40 | 11,18   |
| ÚC         | 2.417.050,35  | 2,08    |
| HONG KONG  | 3.883.604,22  | 2,62    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|                  |                       |               |
|------------------|-----------------------|---------------|
| EU               | 17.626.336,08         | 12,10         |
| KOREA            | 21.246.467,51         | 15,92         |
| KHÁC             | 3.199.458,40          | 2,52          |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>158.672.417,02</b> | <b>100,00</b> |

**3. Những thay đổi chủ yếu trong năm :**

- Ngày 09 tháng 05 năm 2009 miễn nhiệm Ông Nguyễn Quốc Toàn thành viên HĐQT và bầu bổ sung Ông Nguyễn Nhân Nghĩa làm thành viên hội đồng quản trị.
- Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú-Hậu Giang công suất 20.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 20 triệu USD. Dự kiến sẽ đi vào hoạt động quý I năm 2011.

**4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

- + Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- + Đẩy mạnh hoạt động sản xuất tôm giống sạch bệnh ở Ninh Thuận để đáp ứng đủ con giống cho nuôi trồng ở Kiên Giang và bán ra bên ngoài.
- + Đầu tư trung tâm nghiên cứu gia hóa và tuyển chọn tôm sú, thẻ chân trắng ( Vanamei ) bố mẹ sạch bệnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, tỷ lệ sống cao làm giảm giá thành tôm nuôi, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong cũng như ngoài nước, tiến tới chủ động được hoàn toàn nguồn tôm bố mẹ có chất lượng cao.
- + Tăng diện tích thả nuôi tôm mặt nước, tăng năng suất và hiệu quả nuôi trồng để làm sao trong tương lai đáp ứng được phần lớn lượng tôm nguyên liệu cho các Công ty chế biến xuất khẩu của tập đoàn.
- + Đẩy mạnh sản xuất chế phẩm sinh học để phục vụ cho các công ty thành viên nuôi trồng thủy sản và bán cho các hộ nuôi trồng thủy sản.
- + Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng như : Tôm Ring, tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, Tôm Tempura... làm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất vào thị trường Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc.
- + Liên doanh với đối tác Singapore xây dựng cảng Container tại Hậu Giang.

**III- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Báo cáo tình hình tài chính**

**1.1. Khả năng sinh lời ,khả năng thanh toán.**

| Chỉ tiêu                                  | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------|---------|-----------|
| <b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b> |             |         |           |
| <b>Cơ cấu tài sản</b>                     |             |         |           |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản          | %           | 63,17   | 72,37     |
| Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản           | %           | 36,83   | 27,63     |
| <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>                   |             |         |           |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                | %           | 48,99   | 56,41     |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn       | %           | 51,01   | 43,59     |
| <b>Khả năng thanh toán</b>                |             |         |           |
| Khả năng thanh toán hiện hành             | Lần         | 2,04    | 1,77      |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn           | Lần         | 1,65    | 1,54      |
| Khả năng thanh toán nhanh                 | Lần         | 0,76    | 0,87      |

**Tỷ suất sinh lời**

**Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|  |          |              |          |
|--|----------|--------------|----------|
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần            | %        | 8,22         | -        |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần              | %        | 7,81         | -        |
| <b><i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i></b>            |          |              |          |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản               | %        | 11,46        | -        |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản                 | %        | 10,87        | -        |
| <b><i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i></b> | <b>%</b> | <b>34,50</b> | <b>-</b> |

**1.2. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh :**

- Năm 2009 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, nhưng lợi nhuận của công ty vẫn rất khả quan so với tình hình chung của ngành sản xuất chế biến tôm của Việt Nam đạt 254,50 tỷ đồng trong bối cảnh có nhiều tiềm ẩn của nguyên liệu đầu vào và tình hình thị trường thế giới ngày càng nhiều rào cản kỹ thuật đặc biệt là thị trường Nhật Bản và Úc...

- Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty tương đối tốt. Công ty luôn thanh toán đúng hạn mọi khoản công nợ. Khả năng thanh toán của năm 2009 cao hơn năm 2008 nằm trong giới hạn rất an toàn, do công ty tăng cường bán hàng vào các thị trường có khả năng thanh toán tốt và nhanh.

- Mặt khác do đặc thù của ngành kinh doanh chế biến tôm là cứ vào cuối năm là vào vụ nên cần rất nhiều vốn để thu mua tôm cho các đại lý cung cấp tôm. Vì vậy để chủ động được nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất kinh doanh, công ty đã có các mối quan hệ tín dụng với các ngân hàng thương mại rất tốt đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn của công ty.

**1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009**

| <b>Tài Sản</b>                  | <b>Tại 01/01/2009</b>    | <b>Tại 31/12/2009</b>    |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| A- Tài sản ngắn hạn             | 1.640.546.727.637        | 1.403.001.033.613        |
| B- Tài sản dài hạn              | 626.358.656.069          | 819.369.604.131          |
| <b>Tổng tài sản</b>             | <b>2.266.905.383.706</b> | <b>2.222.370.637.744</b> |
| <b>Nguồn vốn</b>                |                          |                          |
| A- Nợ phải trả                  | 1.278.740.367.160        | 1.087.948.781.762        |
| B- Nguồn vốn chủ sở hữu         | 940.233.628.546          | 1.087.952.675.480        |
| C- Lợi ích của cổ đông thiểu số | 47.931.388.000           | 46.469.180.502           |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>           | <b>2.266.905.383.706</b> | <b>2.222.370.637.744</b> |

**1.4. Những thay đổi về vốn cổ đông :** Tại ngày 02/04/2009 có 4.571 cổ đông đến ngày 05/03/2010 chốt danh sách là : 3.225 cổ đông.

**1.5. Tổng số cổ phiếu của công ty :**

- + Cổ phiếu phổ thông: 70.000.000 CP
- + Cổ phiếu ưu đãi : Không

**1.6. Tổng số trái phiếu đang lưu hành :** Không

**1.7. Cổ phiếu quỹ, cổ phiếu dự trữ :** Không

**1.8. Cổ tức :** Năm 2009 công ty chia cổ tức 15%. Cty đã tạm ứng cổ tức 14%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :**

| Chỉ tiêu                | Đơn vị tính | Năm 2008  | Thực hiện năm 2009 | Kế hoạch năm 2009 | So với năm 2008 | So sánh với kế hoạch |
|-------------------------|-------------|-----------|--------------------|-------------------|-----------------|----------------------|
| 1- Kim ngạch xuất khẩu  | Triệu USD   | 156,10    | 158,67             | 162,00            | 101,65%         | 97,95%               |
| 2- Sản lượng sản xuất   | Tấn         | 14.570,00 | 16.532,53          | 16.200,00         | 113,47%         | 102,05%              |
| 3- Tổng doanh thu thuần | Tỷ đồng     | 2.876,83  | 3.093,51           | 3.170,50          | 107,53%         | 97,63%               |
| 4- Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng     | -31,79    | 254,50             | 236,00            | -               | 107,84%              |
| 5- Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng     | -38,09    | 242,86             | 206,00            | -               | 117,89%              |
| 6- Lãi cơ bản trên / CP | Đồng        | -596      | 3.417              | 2.943             | -               | 116,11%              |

**3. Những tiến bộ công ty đạt được :**

+ Hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau : HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001:2000, BRC, ACC, Global Gap... và công ty có Eu code DL145 được phép xuất hàng vào thị trường EU.

+ Đạt giải thưởng hiệu mạnh Việt Nam năm 2006,2007,2008,2009 và Tốp 10 giải vàng chất lượng thủy sản Việt Nam.

+ Đạt doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc nhiều năm liền 2003,2004, 2005,2006,2007,2008 và năm 2009.

+ Đạt giải thưởng quả cầu vàng năm 2007

+ Kim ngạch xuất khẩu thủy sản cao nhất nước.

+ Đạt được chứng chỉ ACC 3 sao “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường Hoa Kỳ” : Sao trại tôm giống, Sao đầm nuôi tôm và Sao nhà máy chế biến do tổ chức: The Accretation Committee of Aquaculture Certification Council, Inc., cấp.

+ Đạt được chứng chỉ Global Gap “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường EU”

+ Công ty luôn đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu trong toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty. Với khẩu hiệu “ Minh Phú luôn luôn lắng nghe, thấu hiểu và thỏa mãn mọi yêu của khách hàng”

**4. Kế hoạch phát triển kinh doanh :**

**\* Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2010**

- Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất : 180,00 triệu USD
- Sản lượng sản xuất hợp nhất : 18.000,00 tấn tôm thành phẩm
- Tổng doanh thu thuần hợp nhất : 3.500,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất : 313,50 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : 264,50 tỷ đồng

**Trong đó :**

**1- Lĩnh vực chế biến xuất khẩu :**

- + Kim ngạch xuất khẩu : 180,00 triệu USD
- + Sản lượng sản xuất và xuất khẩu : 18.000,00 tấn tôm thành phẩm
- + Doanh thu thuần : 3.500,00 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 245,00 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 196,00 tỷ đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**2- Lĩnh vực nuôi tôm thương phẩm :**

|                               |   |                  |
|-------------------------------|---|------------------|
| + Diện tích mặt nước thả nuôi | : | 156,50 hecta     |
| + Sản lượng nuôi trồng        | : | 3.000,00 tấn tôm |
| + Doanh thu thuần             | : | 180,00 tỷ đồng   |
| + Lợi nhuận trước thuế        | : | 60,00 tỷ đồng    |
| + Lợi nhuận sau thuế          | : | 60,00 tỷ đồng    |

**3- Lĩnh vực sản xuất tôm giống :**

|                        |   |                  |
|------------------------|---|------------------|
| + Sản lượng sản xuất   | : | 1,00 tỷ tôm post |
| + Doanh thu thuần      | : | 35,00 tỷ đồng    |
| + Lợi nhuận trước thuế | : | 8,00 tỷ đồng     |
| + Lợi nhuận sau thuế   | : | 8,00 tỷ đồng     |

**4- Lĩnh vực sản xuất chế phẩm sinh học :**

|                        |   |              |
|------------------------|---|--------------|
| + Doanh thu thuần      | : | 5,00 tỷ đồng |
| + Lợi nhuận trước thuế | : | 0,50 tỷ đồng |
| + Lợi nhuận sau thuế   | : | 0,50 tỷ đồng |

**\* Kế hoạch phát triển kinh doanh dài hạn :**

Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, Minh Phú đã và sẽ tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển dài hạn trong đó chú trọng đến :

- Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- Minh Phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.
- Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh Phú thành thương hiệu mạnh.
- Tiếp tục triển khai mở rộng diện tích nuôi tôm công nghiệp sạch bệnh ở Kiên Giang và liên kết với các lâm ngư trường ở Cà Mau nuôi tôm quảng canh cải tiến phấn đấu sẽ cung cấp phần lớn tôm nguyên liệu sạch cho các nhà máy chế biến của Minh Phú.
- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tôm xuất khẩu ở Hậu Giang với công suất 20.000 tấn/năm nâng công suất chế biến của công ty lên 40.000 tấn/ năm.
- Liên kết với các đơn vị sản xuất thức ăn cho tôm cho cá hàng đầu của Việt Nam, để đầu tư xây dựng nhà máy thức ăn cho tôm cung cấp thức ăn cho các Công ty nuôi tôm của Minh Phú tạo thành một quy trình sản xuất khép kín từ thức ăn, con giống sạch bệnh, nuôi tôm thương phẩm sạch đến sản xuất chế biến xuất khẩu.
- Liên kết với các đơn vị sản xuất bao bì thùng Caston, bọc PA; PE hàng đầu của Việt Nam. Để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì cung cấp cho Công ty Minh Phú và bán cho các công ty trong nước cũng như xuất khẩu.
- Đầu tư trung tâm nghiên cứu gia hóa và tuyển chọn tôm sú, thẻ chân trắng ( Vanamei ) bố mẹ sạch bệnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, tỷ lệ sống cao để tiến tới chủ động được hoàn toàn nguồn tôm bố mẹ.
- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng như : Tôm ring, tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, Tôm Tempura... làm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất vào thị trường Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc.
- Liên kết với đối tác Singapore xây dựng cảng Container tại Hậu Giang.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**IV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Báo cáo tài chính năm 2009 đã được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009 cho công ty.**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang, Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú và Công ty Mseafood Corporation (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

**Khái quát về Tập đoàn**

**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25 tháng 5 năm 2007, chuẩn y:
  - Tăng vốn điều lệ từ 600.000.000.000 VND lên 700.000.000.000 VND;
  - Điều chỉnh giảm tỷ lệ sở hữu chung của Ông Lê Văn Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc và Bà Chu Thị Bình – thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc và là vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty từ 98,34% xuống còn 45,6%, và tỷ lệ sở hữu của Ông Chu Văn An – thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc từ 1,66% xuống còn 1,58%.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai ngày 12 tháng 11 năm 2007 chuẩn y việc mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty bao gồm nuôi trồng thủy sản; kinh doanh giống hải sản, thức ăn chăn nuôi thủy sản và vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy hải sản; kinh doanh cao ốc và văn phòng cho thuê.

Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 87/GPPH ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

*Vốn điều lệ :*                    700.000.000.000 VND

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:*

| <u>Cổ đông</u>   | <u>Vốn góp (VNĐ)</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> |
|------------------|----------------------|------------------|
| Ông Lê Văn Quang | 159.610.000.000      | 22,80%           |
| Bà Chu Thị Bình  | 159.594.000.000      | 22,80%           |
| Ông Chu Văn An   | 11.094.000.000       | 1,58%            |
| Các cổ đông khác | 369.702.000.000      | 52,82%           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|             |                        |                |
|-------------|------------------------|----------------|
| <b>Cộng</b> | <b>700.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> |
|-------------|------------------------|----------------|

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.  
Số điện thoại : 0780.3838262-3581979  
Số Fax : 0780.3833119-3820019  
Email : minhphu@minhphu.com  
Mã số thuế : 2000393273

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú là:

- Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản.
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu.
- Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng.
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Trồng các loại thủy sản dưới nước.
- Sản xuất kinh doanh giống thủy sản.
- Kinh doanh tòa nhà cao ốc ,văn phòng cho thuê.

**Công ty con**

| <b>Tên công ty</b>                                     | <b>Địa chỉ</b>   | <b>Lĩnh vực kinh doanh</b>                        | <b>Tỷ lệ phần sở hữu</b> |
|--|--|---|--------------------------|
| Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý                | Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau      | Sản xuất - chế biến                               | 97,50 %                  |
| Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát               | Ấp Thạnh Điền, Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau. | Chế biến hàng xuất khẩu                           | 95,00%                   |
| Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang        | Ấp Càng, Xã Hòa Điền, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang      | Sản xuất - chế biến                               | 99,10%                   |
| Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú          | Xã An Hải, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận                 | Sản xuất - chế biến                               | 98,5%                    |
| Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú                | Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang                | Sản xuất –chế biến – kinh doanh – đầu tư xây dựng | 100%                     |
| Công ty TNHH một thành viên Chế phẩm sinh học Minh Phú | Cà Mau – Việt Nam  | Sản xuất  | 100%                     |
| Mseafood Corporation                                   | California – Hoa Kỳ  | Thương mại  | 90%                      |

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

**Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang --- đến trang ---).**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**Sự kiện sau ngày kết thúc của năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| <u>Họ và tên</u>      | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| Ông Lê Văn Quang      | Chủ tịch       | 12 tháng 5 năm 2006  | -                      |
| Bà Chu Thị Bình       | Thành viên     | 12 tháng 5 năm 2006  | -                      |
| Ông Chu Văn An        | Thành viên     | 12 tháng 5 năm 2006  | -                      |
| Bà Đinh Thị Ánh Tuyết | Thành viên     | 07 tháng 5 năm 2007  | -                      |
| Ông Nguyễn Quốc Toàn  | Thành viên     | 07 tháng 5 năm 2007  | 09 tháng 5 năm 2009    |
| Ông Nguyễn Nhân Nghĩa | Thành viên     | 09 tháng 5 năm 2009  | -                      |

**Ban Tổng Giám đốc**

| <u>Họ và tên</u>    | <u>Chức vụ</u>    | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|---------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| Ông Lê Văn Quang    | Tổng Giám đốc     | 12 tháng 5 năm 2006  | -                      |
| Bà Chu Thị Bình     | Phó Tổng Giám đốc | 12 tháng 5 năm 2006  | -                      |
| Ông Chu Văn An      | Phó Tổng Giám đốc | 12 tháng 5 năm 2006  | -                      |
| Ông Thái Hoàng Hùng | Phó Tổng Giám đốc | 12 tháng 5 năm 2006  | -                      |
| Ông Nguyễn Tấn Anh  | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 01 năm 2007 | -                      |
| Ông Lê Văn Điệp     | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 01 năm 2008 | -                      |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng của năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**Lê Văn Quang**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 25 tháng 03 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Số: ..../..../ BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần thủy sản Minh Phú ( bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang, Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú và Công ty Mseafood Corporation gọi chung là Tập đoàn ) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 , được lập ngày 25 tháng 03 năm 2010, từ trang --- đến trang --- kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thủy sản Minh Phú. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này phát hành Báo cáo kiểm toán vào ngày 10 tháng 3 năm 2009 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

**Cơ sở ý kiến**

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

**Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2009, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)**

---

**Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

---

**Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0090/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

TP. Hồ Chí Minh, ngày -- tháng năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Đơn vị tính : VND

| Mã số      | TÀI SẢN  | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     |             | <b>1.403.001.033.613</b> | <b>1.640.546.727.637</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>4</b>    | <b>151.115.119.814</b>   | <b>99.678.799.328</b>    |
| 111        | 1. Tiền  |             | 78.115.119.814           | 24.678.799.328           |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                  |             | 73.000.000.000           | 75.000.000.000           |
| <b>120</b> | <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>15.3</b> | <b>229.706.962.284</b>   | <b>222.463.032.900</b>   |
| 121        | 1. Đầu tư ngắn hạn                             |             | 240.844.162.284          | 378.249.813.006          |
| 129        | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           |             | (11.137.200.000)         | (155.786.780.106)        |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        |             | <b>231.630.939.079</b>   | <b>583.189.092.234</b>   |
| 131        | 1. Phải thu của khách hàng                     | 5           | 174.345.880.455          | 448.521.328.202          |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán                     |             | 17.783.576.966           | 11.194.728.042           |
| 135        | 3. Các khoản phải thu khác                     | 6           | 39.501.481.658           | 123.473.035.990          |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>7</b>    | <b>749.997.742.912</b>   | <b>717.559.226.393</b>   |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                                |             | 757.326.938.731          | 728.838.686.393          |
| 149        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              |             | (7.329.195.819)          | (11.279.460.000)         |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                |             | <b>40.550.269.524</b>    | <b>17.656.576.782</b>    |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  |             | 853.158.421              | 584.936.154              |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                     |             | 31.727.764.553           | 8.127.659.725            |
| 154        | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    | 8           | 1.690.960.550            | 3.959.384.304            |
| 158        | 4. Tài sản ngắn hạn khác                       | 9           | 6.278.386.000            | 4.984.596.599            |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      |             | <b>819.369.604.131</b>   | <b>626.358.656.069</b>   |
|            | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           |             | <b>119.900.403.989</b>   | <b>21.620.650.455</b>    |
|            | 1. Phải thu dài hạn khác                       | 10          | 119.900.403.989          | 21.620.650.455           |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                     |             | <b>427.069.574.845</b>   | <b>294.179.055.884</b>   |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 11          | 295.264.909.104          | 247.947.777.243          |
| 222        | Nguyên giá                                     |             | 416.248.015.973          | 349.195.664.120          |
| 223        | Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | (120.983.106.869)        | (101.247.886.877)        |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                     | 12          | 10.258.484.927           | 9.996.848.218            |
| 228        | Nguyên giá                                     |             | 13.293.488.677           | 12.439.102.877           |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | (3.035.003.750)          | (2.442.254.659)          |
| 230        | 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 13          | 121.546.180.814          | 36.234.430.423           |
| <b>240</b> | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>14</b>   | <b>10.480.754.203</b>    | <b>9.697.976.000</b>     |
| 241        | 1. Nguyên giá                                  |             | 10.882.598.537           | 9.998.044.000            |
| 242        | 2. Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (401.844.334)            | (300.068.000)            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|            |   |           |                          |                          |
|------------|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>250</b> | <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> |           | <b>205.000.000.000</b>   | <b>251.313.875.000</b>   |
| 252        | 1. Đầu tư vào công ty liên kết                | 15.2      | -                        | 32.000.000.000           |
| 258        | 2. Đầu tư dài hạn khác                        | 15.3      | 205.000.000.000          | 231.033.875.000          |
| 259        | 3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn           | 15.3      | -                        | (11.720.000.000)         |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                |           | <b>30.920.665.667</b>    | <b>20.459.997.730</b>    |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 18        | 7.655.163.457            | 5.717.614.879            |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             |           | 7.224.393.440            | -                        |
| 268        | 3. Tài sản dài hạn khác                       | 17        | 16.041.108.771           | 14.742.382.851           |
| <b>269</b> | <b>VI. Lợi thế thương mại</b>                 | <b>16</b> | <b>25.998.205.427</b>    | <b>29.087.101.000</b>    |
|            | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      |           | <b>2.222.370.637.744</b> | <b>2.266.905.383.706</b> |

Đơn vị tính : VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN                              | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>300</b> | <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                  |             | <b>1.087.948.781.762</b> | <b>1.278.740.367.160</b> |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  |             | <b>848.011.577.033</b>   | <b>1.064.563.202.160</b> |
| 311        | 1. Vay ngắn hạn                        | 19          | 740.728.771.267          | 916.793.935.004          |
| 312        | 2. Phải trả cho người bán              |             | 68.007.460.253           | 61.225.039.302           |
| 313        | 3. Người mua trả tiền trước            |             | 502.699.982              | 2.025.178.986            |
| 314        | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 20          | 13.663.636.023           | 3.192.272.815            |
| 315        | 5. Phải trả công nhân viên             |             | 20.064.407.499           | 6.475.048.990            |
| 316        | 6. Chi phí trích trước                 |             | -                        | 287.742.000              |
| 319        | 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác   | 21          | 5.044.602.009            | 74.563.985.063           |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                  |             | <b>239.937.204.729</b>   | <b>214.177.165.000</b>   |
| 335        | 1. Vay và nợ dài hạn                   | 22          | 236.047.248.219          | 210.249.800.000          |
| 337        | 2. Dự phòng trợ cấp thôi việc          |             | 3.889.956.510            | 3.927.365.000            |
| <b>400</b> | <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>23</b>   | <b>1.087.952.675.480</b> | <b>940.233.628.546</b>   |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>               |             | <b>1.075.521.616.317</b> | <b>918.332.853.937</b>   |
| 411        | 1. Vốn cổ phần đã phát hành            |             | 700.000.000.000          | 700.000.000.000          |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                |             | 177.876.869.236          | 177.876.869.236          |
| 416        | 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái          |             | 52.534.526.623           | 16.381.559.400           |
| 417        | 4. Quỹ đầu tư và phát triển            |             | 39.893.962.999           | 53.608.591.396           |
| 419        | 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu       |             | -                        | -                        |
| 420        | 6. Lợi nhuận chưa phân phối            |             | 105.216.257.459          | (29.534.166.095)         |
| <b>430</b> | <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>  |             | <b>12.431.059.163</b>    | <b>21.900.774.609</b>    |
| 431        | 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi           |             | 12.431.059.163           | 21.900.774.609           |
| <b>439</b> | <b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b> |             | <b>46.469.180.502</b>    | <b>47.931.388.000</b>    |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|            |                            |                          |                          |
|------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> | <b>2.222.370.637.744</b> | <b>2.266.905.383.706</b> |
|------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| <i>Chỉ tiêu</i>    | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Ngoại tệ (Đôla Mỹ) | 3.067.665,31       | 1.365.947,00      |

\_\_\_\_\_  
Lê Ngọc Vân

Người lập biểu

Ngày 25 tháng 3 năm 2010

\_\_\_\_\_  
Luu Minh Trung

Kế Toán Trưởng

\_\_\_\_\_  
Lê Văn Điệp

Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2009**

*Đơn vị tính : VND*

| <i>Mã số</i> | <i>CHỈ TIÊU</i>                               | <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm nay</i>           | <i>Năm trước</i>         |
|--------------|---|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>01</b>    | <b>1. Doanh thu bán hàng</b>                  | <b>24.1</b>        | <b>3.129.575.505.721</b> | <b>2.903.420.960.000</b> |
| <b>02</b>    | <b>2. Các khoản giảm trừ</b>                  | <b>24.1</b>        | <b>36.070.077.465</b>    | <b>27.037.308.000</b>    |
| <b>10</b>    | <b>3. Doanh thu thuần từ bán hàng</b>         | <b>24.1</b>        | <b>3.093.505.428.256</b> | <b>2.876.383.652.000</b> |
| <b>11</b>    | <b>4. Giá vốn hàng bán</b>                    |                    | <b>2.641.598.972.682</b> | <b>2.421.613.156.000</b> |
| <b>20</b>    | <b>5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng</b> |                    | <b>451.906.455.574</b>   | <b>454.770.496.000</b>   |
| <b>21</b>    | <b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>       | <b>24.2</b>        | <b>223.984.122.503</b>   | <b>64.038.299.000</b>    |
| <b>22</b>    | <b>7. Chi phí tài chính</b>                   | <b>25</b>          | <b>185.022.400.333</b>   | <b>406.522.391.000</b>   |
| <b>23</b>    | <i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>            |                    | <i>86.522.481.303</i>    | <i>176.604.791.000</i>   |
| <b>24</b>    | <b>8. Chi phí bán hàng</b>                    |                    | <b>204.080.684.047</b>   | <b>157.152.146.000</b>   |
| <b>25</b>    | <b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>        |                    | <b>32.390.683.537</b>    | <b>35.127.989.000</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|           |  |             |                        |                         |
|-----------|--|-------------|------------------------|-------------------------|
| <b>30</b> | <b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>   |             | <b>254.396.810.160</b> | <b>(79.993.731.000)</b> |
| <b>31</b> | <b>11. Thu nhập khác</b>                       | <b>26</b>   | <b>9.276.209.259</b>   | <b>259.667.848.000</b>  |
| <b>32</b> | <b>12. Chi phí khác</b>                        | <b>26</b>   | <b>9.168.040.443</b>   | <b>211.460.026.000</b>  |
| <b>40</b> | <b>13. Lợi nhuận khác</b>                      | <b>26</b>   | <b>108.168.816</b>     | <b>48.207.822.000</b>   |
| <b>50</b> | <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>   |             | <b>254.504.978.976</b> | <b>(31.785.909.000)</b> |
| <b>51</b> | <b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>         | <b>27.1</b> | <b>18.865.311.308</b>  | <b>5.185.207.000</b>    |
| <b>52</b> | <b>16. Chi phí thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b> | <b>27.1</b> | <b>(7.224.393.440)</b> | <b>(1.125.761.000)</b>  |
| <b>60</b> | <b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>             |             | <b>242.846.061.108</b> | <b>(38.096.877.000)</b> |
|           | <i>Phân bổ cho:</i>                            |             |                        |                         |
|           | 17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số              |             | 3.643.794.918          | 3.618.942.000           |
|           | 17.2 Cổ đông của Công ty mẹ                    |             | 239.220.266.190        | (41.715.819.000)        |
| <b>70</b> | <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)</b>      | <b>23.3</b> | <b>3.417</b>           | <b>(596)</b>            |

Lê Ngọc Vân

Người lập biểu

Ngày 25 tháng 3 năm 2010

Lưu Minh Trung

Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp

Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

( Theo phương pháp gián tiếp )

Năm 2009

*Đơn vị tính :  
VNĐ*

| <i>Mã số</i> | <i>CHỈ TIÊU</i>   | <i>Thuyết minh</i> | <b>Năm nay</b>         | <i>Năm trước</i>        |
|--------------|---|--------------------|------------------------|-------------------------|
| <b>01</b>    | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b><br><b>Lợi nhuận trước thuế</b> |                    | <b>254.504.978.976</b> | <b>(31.785.909.000)</b> |
|              | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>  |                    |                        |                         |
| 02           | Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định  | 11,12,16           | 35.656.760.996         | 27.811.003.000          |
| 03           | Các khoản dự phòng  |                    | (160.964.024.774)      | 153.823.384.000         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|  |  |      |                          |                          |
|--|--|------|--------------------------|--------------------------|
| 04   | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                    |      | 1.793.014.914            | -                        |
| 05   | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |      | 74.048.104.477           | (128.841.499.000)        |
| 06   | Chi phí lãi vay  | 25   | 86.271.553.484           | 176.604.791.000          |
| <b>08</b>  | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b> |      | <b>291.310.298.073</b>   | <b>197.611.770.000</b>   |
| 09   | Tăng, giảm các khoản phải thu  |      | 405.881.538.884          | 572.772.790.000          |
| 10   | Tăng, giảm hàng tồn kho  |      | 7.122.307.062            | 57.706.528.000           |
| 11   | Tăng, giảm các khoản phải trả  |      | (220.162.872.508)        | (500.393.835.000)        |
| 12   | Tăng, giảm chi phí trả trước   |      | (2.205.770.845)          | (225.358.440.000)        |
| 13   | Tiền lãi vay đã trả  |      | (86.040.863.484)         | (176.604.791.000)        |
| 14   | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                    | 27.2 | (6.074.141.364)          | (8.901.151.000)          |
| 15   | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                |      | 2.307.878.265            | 17.144.541.000           |
| 16   | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                               |      | (31.692.661.573)         | (19.409.528.000)         |
| <b>20</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                 |      | <b>360.445.712.510</b>   | <b>365.284.764.000</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |      |                          |                          |
| 21   | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định                        |      | (164.974.485.242)        | (86.221.663.000)         |
| 22   | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                     |      | 554.400.000              | 25.515.091.000           |
| 23   | Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác                    |      | (156.919.463.785)        | (494.274.896.000)        |
| 24   | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác         |      | 47.374.000.000           | -                        |
| 25   | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                             |      | (14.989.613.333)         | -                        |
| 26   | Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                         |      | 180.909.744.850          | 225.191.231.000          |
| 27   | Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia               |      | 50.870.821.549           | 8.143.389.000            |
| <b>30</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                     |      | <b>(57.174.595.961)</b>  | <b>(321.646.848.000)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |      |                          |                          |
| 31   | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu          |      | -                        | -                        |
| 33   | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                 |      | 3.837.008.034.357        | 5.098.510.591.000        |
| 34   | Tiền chi trả nợ gốc vay  |      | (3.988.534.140.865)      | (4.950.437.345.000)      |
| 35   | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu   |      | (98.016.650.000)         | (104.983.350.000)        |
| 36   | Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số                                   |      | (3.305.688.696)          | (3.302.003.000)          |
| <b>40</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                  |      | <b>(252.848.445.204)</b> | <b>39.787.893.000</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|           |  |          |                 |                |
|-----------|--|----------|-----------------|----------------|
| <b>50</b> | <b>Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm</b> |          | 50.422.671.345  | 83.425.809.000 |
| <b>60</b> | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                    |          | 99.678.799.328  | 16.252.990.328 |
| <b>61</b> | <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>                        |          | 1.013.649.141   | -              |
| <b>70</b> | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>                   | <b>4</b> | 151.115.119.814 | 99.678.799.328 |

\_\_\_\_\_  
Lê Ngọc Vân

Người lập biểu

Ngày 25 tháng 3 năm 2010

\_\_\_\_\_  
Luu Minh Trung

Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Lê Văn Điệp

Phó Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
NĂM 2009**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang, Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú và Mseafood Corporation (gọi chung là Tập đoàn).

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Mua, chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản; Nhập khẩu nguyên vật liệu về chế biến hàng xuất khẩu; Nhập khẩu

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng; Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Trồng các loại thủy sản dưới nước; Sản xuất kinh doanh giống thủy sản. Kinh doanh tòa nhà cao ốc và văn phòng cho thuê.

4. **Tổng số các công ty con** : 7

5. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

| <i>Tên công ty</i>  | <i>Địa chỉ</i>   | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Quyền biểu quyết</i> |
|---|--|----------------------|-------------------------|
| Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý                         | Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau      | 97,50 %              | 97,50 %                 |
| Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát                        | Ấp Thạnh Điền, Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau. | 95,00%               | 95,00%                  |
| Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang                 | Ấp Càng, Xã Hòa Điền, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang      | 99,10%               | 99,10%                  |
| Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú                   | Xã An Hải, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận                 | 98,50%               | 98,50%                  |
| Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú                         | Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang                | 100%                 | 100%                    |
| Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú | Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau      | 100%                 | 100%                    |
| Mseafood Corporation  | California - Hoa Kỳ  | 90,00%               | 90,00%                  |

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo của các công ty trong tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ hoạt động.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam .

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2. Cơ sở hợp nhất**

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

***Hợp nhất kinh doanh***

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Công ty.

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

**3. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi khoản dự phòng thích hợp. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư cho phần chênh lệch giá mua thực tế cao hơn giá trị thị trường vào thời điểm cuối năm.

**4. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 5 – 20        |
| Máy móc và thiết bị             | 5 – 10        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 4 – 8         |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 – 10        |

**8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 27 năm..

**9. Tài sản cố định vô hình**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao, chi phí đền bù giải tỏa được khấu hao từ 43 đến 45 năm.

***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao từ 3 đến 8 năm.

**10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông và thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch do phát hành cổ phần cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.

**14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

- Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo. Năm tài chính 2009 là năm tài chính thứ hai Công ty được giảm thuế .
- Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo. Năm tài chính 2009 là năm tài chính thứ 4 Công ty được miễn thuế.
- Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm tài chính thứ hai Công ty được miễn thuế.
- Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế nộp trong 8 năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế đối với các thiết bị, máy móc nhập khẩu để tạo tài sản cố định và miễn tiền thuế đất trong 11 năm kể từ khi đi vào hoạt động. Năm 2009 Công ty vẫn trong quá trình đầu tư nhà máy.
- Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Năm 2009 Công ty đang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Công ty CP Msea food Corporation có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập liên bang theo quy định của luật pháp và quy định của Hoa kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc năm kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty được ghi nhận trực tiếp là vốn chủ sở hữu. Khi thanh lý cơ sở ở nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế đã bị hoãn lại được ghi nhận trong chỉ tiêu vốn chủ sở hữu và liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó sẽ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD  
31/12/2009 : 18.479 VND/USD

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

**17. Bên liên quan**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                   | 2.742.284.057          | 2.182.957.040         |
| Tiền gửi ngân hàng         | 75.372.835.757         | 19.611.640.130        |
| Tiền đang chuyển           | -                      | 2.884.202.158         |
| Các khoản tương đương tiền | 73.000.000.000         | 75.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                | <b>151.115.119.814</b> | <b>99.678.799.328</b> |

**2. Đầu tư ngắn hạn**

|   | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|------------------------|------------------------|
| Đầu tư chứng khoán ngắn hạn             | 62.549.597.666         | 209.566.153.506        |
| - Cổ phiếu                              | 62.549.597.666         | 209.566.153.506        |
| Đầu tư ngắn hạn khác                    | 178.294.564.618        | 168.683.659.500        |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống | 177.863.613.333        | 168.298.172.000        |
| - Đầu tư ngắn hạn khác                  | 430.951.285            | 385.487.500            |
| <b>Cộng</b>                             | <b>240.844.162.284</b> | <b>378.249.813.006</b> |

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

|                              |                       |
|------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                   | 155.786.780.106       |
| Lập dự phòng trong năm       | 2.019.020.000         |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (146.668.600.106)     |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b>11.137.200.000</b> |

**4. Phải thu khách hàng**

|                                     | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu từ nhượng bán bất động sản | -                      | 250.560.000.000        |
| Phải thu từ bán hàng                | 174.345.880.455        | 197.961.328.202        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>174.345.880.455</b> | <b>448.521.328.202</b> |

**5. Trả trước người bán**

|                      | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước trong nước | 17.783.576.966        | 10.828.065.757        |
| Trả trước nước ngoài | -                     | 366.662.285           |
| <b>Cộng</b>          | <b>17.783.576.966</b> | <b>11.194.728.042</b> |

**6. Các khoản phải thu khác**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|  | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>      |
|--|-----------------------|------------------------|
| Lãi dự thu tiền gửi, tiền cho vay  | 9.518.620.163         | 13.385.213.000         |
| Phải thu Công ty cổ phần dầu khí Vũng Tàu<br>- tiền chuyển nhượng khoản đầu tư vào công<br>ty liên kết (*) | 29.836.850.000        | -                      |
| Tiền ký quỹ mở Bond tại Hải Quan Mỹ  | -                     | 109.762.587.000        |
| Phải thu tiền bảo hiểm của nhân viên   | 82.470.275            |                        |
| Phải thu khác  | 63.541.220            | 325.235.990            |
| <b>Cộng</b>  | <b>39.501.481.658</b> | <b>123.473.035.990</b> |

(\*) Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú đã ký Hợp đồng số 01/HĐ/CPVTP.09 ngày 18 tháng 02 năm 2009 để rút phần đầu tư của mình tại Công ty cổ phần dầu khí Vũng Tàu với giá chuyển nhượng là 66.665.600.000 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty còn phải thu Công ty cổ phần dầu khí Vũng Tàu với số tiền là 29.836.850.000 VND do việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.

**7. Hàng tồn kho**

|                                      | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu                | 31.055.138.713         | 19.089.698.420         |
| Công cụ, dụng cụ                     | 3.448.519.467          | 3.834.004.489          |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 4.673.808.169          | 2.274.003.610          |
| Thành phẩm                           | 343.457.082.859        | 702.791.638.721        |
| Hàng hóa                             | 374.692.389.523        | 849.341.153            |
| <b>Cộng</b>                          | <b>757.326.938.731</b> | <b>728.838.686.393</b> |

**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

|             | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>     |
|-------------|----------------------|-----------------------|
| Thành phẩm  | 5.203.083.250        | 4.022.169.000         |
| Hàng hóa    | 2.126.112.569        | 7.257.291.000         |
| <b>Cộng</b> | <b>7.329.195.819</b> | <b>11.279.460.000</b> |

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng.

**12. Phải thu dài hạn khác**

|   | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|---|--------------------|-------------------|
| Phải thu công nhân viên mua nhà tập thể trả<br>góp <sup>(a)</sup> | 426.835.455        | 18.512.650.455    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|   | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|---|------------------------|-----------------------|
| Phải thu Sở Tài chính khoản cho vay dài hạn<br>(b)                            | -                      | 3.108.000.000         |
| Phải thu cơ quan thương mại Mỹ về khoản thuế chống bán phá giá <sup>(c)</sup> | 119.473.568.534        | -                     |
| <b>Cộng</b>   | <b>119.900.403.989</b> | <b>21.620.650.455</b> |

(a) Khoản phải thu dài hạn công nhân viên mua nhà tập thể trả góp. Các khoản cho vay phải thu này không chịu lãi suất và không yêu cầu thế chấp.

(b) Khoản cho Sở Tài chính Cà Mau vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐTD ngày 15 tháng 2 năm 2005 để đầu tư dự án đường Lê Hồng phong với tổng hạn mức vay 14.993.620.000 VND, lãi suất cho vay 0%. Năm thứ 3 và năm thứ 4 kể từ khi nghiệm thu dự án, mỗi năm trả 50% vốn vay.

(c) Từ năm 2004, tất cả các Công ty có hoạt động kinh doanh thủy sản tại Hoa Kỳ là đối tượng phải nộp thuế về chống bán phá giá. Mức thuế áp dụng sẽ không cố định mà tùy thuộc vào quyết định hằng năm của cơ quan thuế tại Hoa kỳ. Trong tháng 9 năm 2008 Công ty đã nhận được quyết định chính thức từ văn phòng thương mại Hoa kỳ ghi nhận mức thuế suất áp dụng cho giai đoạn từ tháng 2 năm 2006 đến tháng 1 năm 2007 là 0,01% trên giá trị hàng thủy sản nhập vào Hoa kỳ. Mức thuế suất này dự kiến được áp dụng cho giai đoạn tiếp theo cho đến nay.

Khoản nợ phải thu trên là số tiền sẽ được thu lại từ văn phòng thương mại Hoa kỳ là phần chênh lệch giữa mức thuế Công ty đã nộp theo thuế suất cao hơn và mức thuế được tính theo quyết định chính thức.

**13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|   | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | <b>Cộng</b>            |
|---|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                               |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Số đầu năm                                      | 103.179.458.514           | 217.658.521.853        | 23.621.977.635                        | 4.735.706.118                   | 349.195.664.120        |
| Tăng trong năm                                  | 10.371.212.536            | 68.974.322.369         | 1.905.396.749                         | 517.021.727                     | 81.767.953.381         |
| Mua sắm mới                                     | 1.750.183.716             | 50.041.298.828         | 1.613.396.749                         | 510.754.557                     | 53.915.633.850         |
| Tăng khác do<br>chênh lệch tỷ giá<br>chuyển đổi | 1.814.964.195             | 29.984.982             | -                                     | 6.267.170                       | 1.851.216.347          |
| Thanh lý,<br>nhượng bán                         | -                         | (14.715.605.488)       | -                                     | -                               | (14.715.605.488)       |
| <b>Số cuối năm</b>                              | <b>113.550.675.010</b>    | <b>271.917.238.734</b> | <b>25.527.374.384</b>                 | <b>5.252.727.845</b>            | <b>416.248.015.973</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn<br>sử dụng     | 11.047.436.229            | 25.175.943.049         | 177.727.619                           | 756.492.515                     | 37.157.599.412         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                          |                           |                        |                                       |                                 |                        |
| Số đầu năm                                      | 19.695.318.310            | 75.408.056.918         | 3.575.801.478                         | 2.568.710.171                   | 101.247.886.877        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|   | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc    | Máy móc và<br>thiết bị       | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Cộng                          |
|---|------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Tăng trong kỳ                             | 6.574.976.047                | 22.259.005.589               | 2.510.115.568                         | 619.355.738                     | 31.963.452.942                |
| Khấu hao trong kỳ                         | 6.537.071.575                | 22.238.898.315               | 2.510.115.568                         | 613.712.724                     | 31.899.798.182                |
| Tăng khác do chênh lệch tỷ giá chuyển đổi | 37.903.732                   | 20.107.274                   | -                                     | 5.643.014                       | 63.654.020                    |
| Thanh lý, nhượng bán                      | -                            | (12.228.232.210)             | -                                     | -                               | (12.228.232.210)              |
| <b>Số cuối năm</b>                        | <b><u>26.270.293.617</u></b> | <b><u>85.438.830.297</u></b> | <b><u>6.085.917.046</u></b>           | <b><u>3.188.065.909</u></b>     | <b><u>120.983.106.869</u></b> |

**Giá trị còn lại**

|                    |                              |                               |                              |                             |                               |
|--------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm         | 83.484.144.904               | 142.250.464.935               | 20.046.176.157               | 2.166.995.947               | 247.947.781.943               |
| <b>Số cuối năm</b> | <b><u>87.280.381.393</u></b> | <b><u>186.478.408.437</u></b> | <b><u>19.441.457.338</u></b> | <b><u>2.064.661.936</u></b> | <b><u>295.264.909.104</u></b> |

*Trong đó:*

|                       |   |   |   |   |   |
|-----------------------|---|---|---|---|---|
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý     | - | - | - | - | - |

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

|                    | Quyền sử dụng<br>đất         | Phần mềm máy vi<br>tính     | Khác                      | Cộng                         |
|--------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>  |                              |                             |                           |                              |
| Số đầu năm         | 10.694.596.619               | 770.841.491                 | 973.664.767               | 12.439.102.877               |
| Mua trong năm      | -                            | 854.385.800                 | -                         | 854.385.800                  |
| <b>Số cuối năm</b> | <b><u>10.694.596.619</u></b> | <b><u>1.625.227.291</u></b> | <b><u>973.664.767</u></b> | <b><u>13.293.488.677</u></b> |

*Trong đó:*

|                                       |               |            |   |               |
|---------------------------------------|---------------|------------|---|---------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.360.143.274 | 63.141.883 | - | 1.423.285.157 |
|---------------------------------------|---------------|------------|---|---------------|

**Giá trị hao mòn**

|                    |                             |                           |                           |                             |
|--------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm         | 2.263.641.182               | 178.613.477               | -                         | 2.442.254.659               |
| Khấu hao trong năm | 312.429.523                 | 152.815.851               | 127.503.717               | 592.749.091                 |
| <b>Số cuối năm</b> | <b><u>2.576.070.705</u></b> | <b><u>331.429.328</u></b> | <b><u>127.503.717</u></b> | <b><u>3.035.003.750</u></b> |

**Giá trị còn lại**

|                    |                             |                             |                           |                              |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm         | 8.430.955.437               | 592.228.014                 | 973.664.767               | 9.996.848.218                |
| <b>Số cuối năm</b> | <b><u>8.118.525.914</u></b> | <b><u>1.293.797.963</u></b> | <b><u>846.161.050</u></b> | <b><u>10.258.484.927</u></b> |

*Trong đó:*

|                       |   |   |   |   |
|-----------------------|---|---|---|---|
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý     | - | - | - | - |

Toàn bộ tài sản cố định vô hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|              | <u>Số đầu năm</u>            | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>            |
|--------------|------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 4.471.763.836                | 26.944.400.078                     | (18.990.320.224)                     | 12.425.843.690                |
| XDCB dở dang | 31.762.666.587               | 84.320.196.671                     | (6.962.526.134)                      | 109.120.337.124               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>36.234.430.423</u></b> | <b><u>111.264.596.749</u></b>      | <b><u>(25.952.846.358)</u></b>       | <b><u>121.546.180.814</u></b> |

**16. Bất động sản đầu tư**

|   | <u>Nhà cửa vật kiến trúc</u> |
|---|------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                               |                              |
| Số đầu năm                                      | 9.998.044.000                |
| Tăng trong kỳ                                   | 884.554.537                  |
| <i>Tăng khác: chênh lệch tỷ giá do hợp nhất</i> | 884.554.537                  |
| <b>Số cuối năm</b>                              | <b><u>10.882.598.537</u></b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                          |                              |
| Số đầu năm                                      | 300.068.000                  |
| Tăng trong kỳ                                   | 101.776.334                  |
| <i>Khấu hao trong kỳ</i>                        | 75.228.009                   |
| <i>Tăng khác: chênh lệch tỷ giá do hợp nhất</i> | 26.548.325                   |
| <b>Số cuối năm</b>                              | <b><u>401.844.334</u></b>    |
| <b>Giá trị còn lại</b>                          |                              |
| Số đầu năm                                      | 9.697.976.000                |
| <b>Số cuối năm</b>                              | <b><u>10.480.754.203</u></b> |

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị căn hộ thuộc sở hữu của Mseafood Corporation đang được sử dụng để cho thuê tại Hoa Kỳ.

**17. Đầu tư dài hạn khác**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Đầu tư cổ phiếu   | -                             | 26.033.875.000                |
| Đầu tư vào quỹ tầm nhìn SSI <sup>(a)</sup>              | 200.000.000.000               | 200.000.000.000               |
| Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau <sup>(b)</sup> | 5.000.000.000                 | 5.000.000.000                 |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>205.000.000.000</u></b> | <b><u>231.033.875.000</u></b> |

(a) Khoản đầu tư vào quỹ tầm nhìn SSI theo quyết định của Hội đồng quản trị đã có giấy xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ.

(b) Khoản đầu tư góp vốn 10% vào Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau.

**18. Lợi thế thương mại**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2008, Tập đoàn mua lại 90% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Mseafod Corporation, một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ và chuyên mua bán mặt hàng thủy sản được nhập từ các công ty thuộc cùng Tập đoàn tại Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ.

Chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư và giá trị hợp lý được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại phát sinh vào ngày mua trị giá 1.819.459 Đô la Mỹ (tương đương 30.888.957 ngàn VNĐ) đã được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Tổng chi phí khấu trừ của lợi thế thương mại trong năm hiện hành là 3.088.895.714 VNĐ.

**19. Tài sản dài hạn khác**

Khoản tiền gửi ký quỹ, ký cược có lãi suất tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí trong vụ kiện chống bán phá giá của Mseafod Corporation.

**20. Vay và nợ ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 740.728.771.267               | 891.355.981.904               |
| - Vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín <sup>(a)</sup>                        | 138.596.872.524               | 169.000.000.000               |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(b)</sup>                 | 151.981.143.727               | 236.591.000.000               |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Cà Mau <sup>(c)</sup> | -                             | 50.000.000.000                |
| - Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(d)</sup>                          | 385.150.755.016               | 321.541.481.904               |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(e)</sup>                           | 65.000.000.000                | 100.000.000.000               |
| - Vay ngân hàng Mỹ  | -                             | 14.223.500.000                |
| Vay dài hạn đến hạn trả   | -                             | 5.400.000.000                 |
| Chiết khấu bộ chứng từ  | -                             | 20.037.953.100                |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau                                | -                             | 18.055.039.500                |
| - Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau   | -                             | 1.982.913.600                 |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>740.728.771.267</u></b> | <b><u>916.793.935.004</u></b> |

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín– Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh với lãi suất tại từng thời điểm.. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

b. Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động thu mua, chế biến hàng thủy hải sản xuất khẩu với lãi suất thời điểm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp doanh thu bán hàng, toàn bộ hàng hóa và thành phẩm tồn kho hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau, số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh và các khoản phải thu.

<sup>(c)</sup> Vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

- (d) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau, bao gồm:
- Hợp đồng tín dụng số 08.540011/HĐTD ngày 01 tháng 7 năm 2008 để thu mua nguyên liệu trong nước, nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu và chi phí sản xuất khác phục vụ sản xuất chế biến thủy hải sản xuất khẩu với lãi suất thời điểm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định của Công ty.
  - Hợp đồng tín dụng số 09.540012/H ĐTD ngày 09 tháng 3 năm 2009, vay để kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy sản với lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.
- (e) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh “thu mua nguyên liệu chế biến hàng thủy sản xuất khẩu” với lãi suất thời điểm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

|                         | <u>Số đầu năm</u>             | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Tăng khác do chênh lệch khi hợp nhất</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>            |
|-------------------------|-------------------------------|--|---|-------------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 891.355.981.904               | 3.810.468.683.962                      | 1.258.390.990                               | (3.962.354.285.589)                 | 740.728.771.267               |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 5.400.000.000                 | -                                      | -   | (5.400.000.000)                     | -                             |
| Chiết khấu bộ chứng từ  | 20.037.953.100                | 524.490.000                            | -   | (20.562.443.100)                    | -                             |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>916.793.935.004</u></b> | <b><u>3.810.993.173.962</u></b>        | <b><u>1.258.390.990</u></b>                 | <b><u>(3.988.316.728.689)</u></b>   | <b><u>740.728.771.267</u></b> |

**21. Phải trả người bán**

|                               | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả người bán trong nước | 64.985.685.844               | 58.676.501.305               |
| Phải trả người bán nước ngoài | 3.021.774.409                | 2.548.537.997                |
| <b>Cộng</b>                   | <b><u>68.007.460.253</u></b> | <b><u>61.225.039.302</u></b> |

**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                                     | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|-------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa          | 396.123.928                  | 2.162.405.782               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | (1.690.960.550)              | (3.959.384.304)             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp          | 12.271.346.992               | 640.488.512                 |
| Thuế thu nhập cá nhân               | 962.494.033                  | 1.554.000                   |
| Các loại thuế khác                  | 33.671.070                   | 387.824.521                 |
| <b>Cộng</b>                         | <b><u>11.972.675.473</u></b> | <b><u>(767.111.489)</u></b> |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%.

Nuôi trồng thủy sản và sản xuất tôm giống thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng nên thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang và Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú không được khấu trừ.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Xem thuyết minh số IV.13.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp như sau:

|  | <u>Thu nhập chịu thuế</u>     | <u>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</u> |
|--|-------------------------------|--|
| Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú (a)              | 216.587.710.519               | 739.952.961  |
| Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý                | 57.685.263.995                | 12.360.317.715                                     |
| Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát               | 20.584.358.868                | 2.869.305.446                                      |
| Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang        | 53.115.670.443                | -  |
| Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Hậu Giang         | -                             | -  |
| Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú          | 3.187.432.443                 | -  |
| Công ty TNHH một thành viên chế phẩm sinh học Minh Phú | 91.432.325                    | 12.800.525   |
| Mseafood Corporation                                   | 10.732.008.908                | 2.882.934.661                                      |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>361.983.877.501</u></b> | <b><u>18.865.311.308</u></b>                       |

(a) Trong năm 2009 Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú được chuyển lỗ từ năm 2008 sang với số lỗ được chuyển là 126.144.165.614 VND. Việc chuyển lỗ thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 258/CT-TTHT ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Cục thuế Tỉnh Cà Mau.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**23. Phải trả người lao động**  
Tiền lương tháng 12 phải trả cho người lao động.

**24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|                                | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|--------------------|-------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 99.119.658         | 39.524            |
| Kinh phí công đoàn             | -                  | 168.000.000       |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn  | 4.000.000.000      | 4.000.000.000     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|   | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>     |
|---|----------------------|-----------------------|
| Tiền mượn của các bên liên quan           | -                    | 70.388.950.539        |
| Lãi vay phải trả                          | 322.693.268          | -                     |
| Phải trả tiền hoa hồng môi giới xuất khẩu | 230.690.000          | -                     |
| Các khoản phải trả khác                   | 392.099.083          | 6.995.000             |
| <b>Cộng</b>                               | <b>5.044.602.009</b> | <b>74.563.985.063</b> |

**25. Vay và nợ dài hạn**

|   | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(a)</sup>                   | 10.249.800.000         | 210.249.800.000        |
| Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau <sup>(b)</sup> | 25.797.448.219         | -                      |
| Trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi 5 năm  | 200.000.000.000        | -                      |
| <b>Cộng</b>   | <b>236.047.248.219</b> | <b>210.249.800.000</b> |

(a) Khoản vay ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để mua sắm tài sản cố định với lãi suất 5,4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh tỉnh Cà Mau để đầu tư kho lạnh thành phẩm 2.000 tấn. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị theo Hợp đồng cầm cố 355146.1.1.

Tình hình tăng giảm các khoản vay dài hạn trong kỳ:

|  | <b>Số đầu năm</b>      | <b>Số tiền vay phát sinh trong năm</b> | <b>Số kết chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả</b> | <b>Số tiền vay đã trả trong năm</b> | <b>Số cuối năm</b>     |
|--|------------------------|--|---|-------------------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn                              | 10.249.800.000         | 26.014.860.395                         | -   | (217.412.176)                       | 36.047.248.219         |
| Trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi 5 năm | 200.000.000.000        | -                                      | -   | -                                   | 200.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>210.249.800.000</b> | <b>26.014.860.395</b>                  | <b>-</b>  | <b>(217.412.176)</b>                | <b>236.047.248.219</b> |

**26. Vốn chủ sở hữu**

***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

***Cổ phiếu***

|  | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 70.000.000         | 70.000.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 70.000.000         | 70.000.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 70.000.000         | 70.000.000        |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                  | -                 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|                                 | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| - Cổ phiếu phổ thông            | -                  | -                 |
| - Cổ phiếu ưu đãi               | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 70.000.000         | 70.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông            | 70.000.000         | 70.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi               | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

**27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | <b>Số đầu năm</b>            | <b>Trích quỹ trong năm</b>  | <b>Chi quỹ trong năm</b>       | <b>Số cuối năm</b>           |
|-----------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 17.402.084.332               | 5.752.387.436               | (14.006.708.727)               | 9.147.763.041                |
| Quỹ phúc lợi    | 4.498.690.277                | 470.475.000                 | (1.685.869.155)                | 3.283.296.122                |
| <b>Cộng</b>     | <b><u>21.900.774.609</u></b> | <b><u>6.222.862.436</u></b> | <b><u>(15.692.577.882)</u></b> | <b><u>12.431.059.163</u></b> |

**28. Lợi ích của Cổ đông thiểu số**

|   | <b>Số cuối năm</b>           | <b>Số đầu năm</b>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số             | 10.900.000.000               | 10.900.000.000               |
| Vốn phải trả do hợp nhất kinh doanh         | 32.494.687.000               | 32.494.687.000               |
| Lãi thực hiện lũy kế đến thời điểm cuối năm | 6.380.182.198                | 4.536.701.000                |
| Cổ tức đã chia năm nay                      | (3.305.688.696)              | -                            |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>46.469.180.502</u></b> | <b><u>47.931.388.000</u></b> |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                               | <b>Năm nay</b>                  | <b>Năm trước</b>                |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tổng doanh thu                | 3.129.575.505.721               | 2.903.420.960.000               |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | 36.070.077.465                  | 27.037.308.000                  |
| - Hàng bán bị trả lại         | 36.070.077.465                  | 27.037.308.000                  |
| <b>Doanh thu thuần</b>        | <b><u>3.093.505.428.256</u></b> | <b><u>2.876.383.652.000</u></b> |

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, vật tư đã cung cấp.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                             | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|-----------------------------|----------------|------------------|
| Lãi chênh lệch tỷ giá       | 40.017.965.380 | 40.084.617.000   |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay  | 19.492.626.807 | 17.680.127.000   |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 30.892.731.008 | 6.273.555.000    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu kinh doanh chứng khoán                     | 133.580.456.000               | -                             |
| Khác   | 343.308                       | -                             |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>223.984.122.503</u></b> | <b><u>64.038.299.000</u></b>  |
| <b>4. Chi phí tài chính</b>                          |                               |                               |
|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
| Chi phí lãi vay                                      | 86.522.481.303                | 176.604.791.000               |
| Giá vốn bán chứng khoán                              | 252.955.948.506               | 74.294.041.000                |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                                 | 1.101.666.751                 | 11.115.164.000                |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | (156.357.580.106)             | 142.103.384.000               |
| Khác   | 799.883.879                   | 2.405.011.000                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>185.022.400.333</u></b> | <b><u>406.522.391.000</u></b> |
| <b>5. Chi phí bán hàng</b>                           |                               |                               |
|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
| Chi phí cho nhân viên                                | 4.771.846.411                 | 3.223.288.088                 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                        | 1.181.629.475                 | 665.786.394                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                     | 174.236.364                   | 153.766.559                   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                            | 174.566.390.647               | 133.196.900.119               |
| Chi phí khác   | 23.386.581.150                | 19.912.404.840                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>204.080.684.047</u></b> | <b><u>157.152.146.000</u></b> |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>               |                               |                               |
|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
| Chi phí cho nhân viên                                | 13.196.295.890                | 10.332.409.755                |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                        | 807.843.881                   | 697.985.591                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                     | 2.206.916.916                 | 1.743.043.087                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                            | 2.247.275.765                 | 4.561.177.274                 |
| Chi phí khác   | 13.932.351.085                | 17.793.373.293                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>32.390.683.537</u></b>  | <b><u>35.127.989.000</u></b>  |
| <b>7. Thu nhập khác</b>                              |                               |                               |
|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
| Thu nhập bán tòa nhà 12 Lê Quý Đôn                   | 1.733.555.553                 | 255.150.909.000               |
| Thu nhập từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định      | 3.490.620.000                 | 412.500.000                   |
| Phí máy bay, gửi mẫu                                 | 2.679.584.707                 | 1.449.324.798                 |
| Các khoản thuế được hoàn                             | 4.525.692                     | 530.510.649                   |
| Thu tiền cho thuê                                    | 1.055.274.148                 | 600.599.150                   |
| Thu nhập khác  | 312.649.159                   | 1.524.004.403                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>9.276.209.259</u></b>   | <b><u>259.667.848.000</u></b> |
| <b>8. Chi phí khác</b>                               |                               |                               |
|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
| Chi phí liên quan đến hoàn thiện Cao ốc Lê           | 6.113.861.953                 | 209.844.208.631               |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|   | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>       |
|---|----------------------|------------------------|
| Quý Đôn đã chuyển nhượng trong năm 2008                 |                      |                        |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán | 2.487.373.278        | 171.382.843            |
| Chi phí khấu hao nhà cho thuê                           | 393.842.927          | 523.927.197            |
| Chi phí khác  | 172.962.285          | 920.507.329            |
| <b>Cộng</b>   | <b>9.168.040.443</b> | <b>211.460.026.000</b> |

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  | <b>Năm nay</b>  | <b>Năm trước</b> |
|--|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 239.220.266.190 | (41.715.819.000) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | -               | -                |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  | 239.220.266.190 | (41.715.819.000) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm   | 70.000.000      | 70.000.000       |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>3.417</b>    | <b>(596)</b>     |

*Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:*

|   | <b>Năm nay</b>    | <b>Năm trước</b>  |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                    | 70.000.000        | 70.000.000        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại                    | -                 | -                 |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b> | <b>70.000.000</b> | <b>70.000.000</b> |

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <b>Năm nay</b>           | <b>Năm trước</b>         |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 4.199.429.456.200        | 1.739.169.082.369        |
| Chi phí nhân công                | 163.040.414.263          | 70.317.498.699           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 32.567.775.282           | 22.345.822.040           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 204.559.701.795          | 189.347.240.935          |
| Chi phí khác                     | 39.545.096.418           | 39.279.462.426           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>4.639.142.443.958</b> | <b>2.060.459.106.469</b> |

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thay đổi chính sách kế toán**

Năm 2009, Các công ty trong tập đoàn thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.14). Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 2.254.791.200 VND được

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí như những năm trước.

**2. Thông tin khác**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Các Công ty trong tập đoàn sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

*Cà Mau, ngày 25 tháng 3 năm 2010*

\_\_\_\_\_  
**Lê Ngọc Vân**  
Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**Lưu Minh Trung**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Lê Văn Điệp**  
Phó Tổng Giám đốc

**V- BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**1-Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C
- Ý kiến kiểm toán độc lập :

**Cơ sở ý kiến**

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

*Ý kiến của Kiểm toán viên*

**Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2009, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

2. Kiểm toán nội bộ : Công ty chưa có kiểm toán nội bộ
- Ý kiến kiểm toán nội bộ
  - Các nhận xét đặc biệt

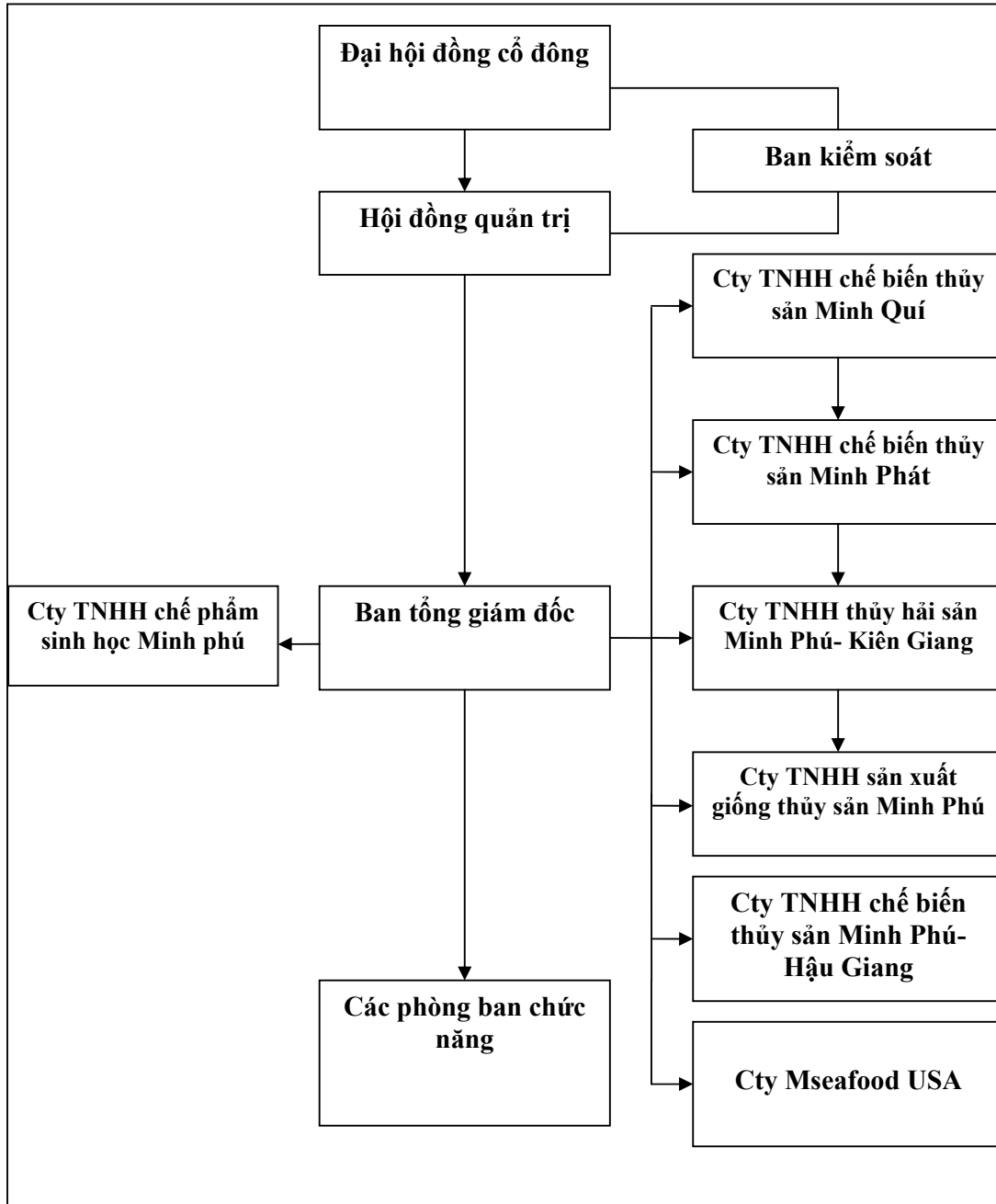
**VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần / vốn góp của tổ chức : Có 7 công ty
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần / vốn góp do tổ chức công ty : Không
3. Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan :
  - + Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý vốn điều lệ 200 tỷ đồng Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 195 tỷ đồng chiếm 97,50%.
  
  - + Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát vốn điều lệ 100 tỷ đồng Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 95 tỷ đồng chiếm 95,00%.
  
  - + Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang vốn điều lệ ban đầu là 9 tỷ sau đó tăng lên 50 tỷ đồng, Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 49,55 tỷ đồng chiếm 99,10%.
  
  - + Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú vốn điều lệ 30 tỷ đồng, Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 29,55 tỷ đồng chiếm 98,50%.
  
  - + Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú - Hậu Giang vốn điều lệ 90 tỷ, công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú góp 100%. Hiện nay đang trong quá trình xây dựng dự kiến đưa vào hoạt động quý I năm 2011..
  
  - + Công ty Mseafood USA vốn điều lệ: 22.222.222,22 USD trong đó Minh Phú góp 20 triệu USD chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Mseafood.
  
  - + Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú sở hữu 100%.



VII- TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức :



## **2- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành**

### **2.1 - Hội đồng quản trị : Gồm 5 thành viên**

#### **2.1.1- Ông LÊ VĂN QUANG - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 28/10/1958
- Nơi sinh: Bệnh viện Quảng Yên - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 385/37B Điện Biên Phủ, Phường 4 Quận 3, TPHCM
- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3838 262
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:
  - + 1981 - 1983: Cán bộ kỹ thuật sở thủy sản Minh Hải.
  - + 1983 - 1986: Phó phòng thu mua Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
  - + 1986 - 1988: Quản đốc phân xưởng Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
  - + 1992 - 2003: Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Phú.
  - + 2003 – 2006: Tổng giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú.
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú; Chủ tịch HĐQT Công ty CP chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang, Công ty Cổ phần sản xuất giống thủy sản Minh Phú
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

#### **2.1.2- Bà Chu Thị Bình – Thành viên hội đồng quản trị kiêm phó tổng giám đốc**

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1964
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 112B Phan Bội Châu, F7, TP Cà Mau.
- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3820044
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp
- Quá trình công tác:
  - + 1981 – 1995: Nhân viên thu mua, Kế toán Công ty Chế biến Thủy sản Cà Mau
  - + 1996 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp Hợp tác
  - + 1998 – nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Minh Phú, Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

**2.1.3- Ông Chu Văn An - Thành viên hội đồng quản trị kiêm phó Tổng giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 02/05/1953
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình, Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: số 09 Khu tập thể Minh Phú, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau
- Điện thoại liên lạc: (84.780) 3820044
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
- Quá trình công tác:
  - + 1997 - 1999: Trưởng ban quản lý Công trình.
  - + 1999 - 2001: Trưởng phòng tổ chức, hành chính xí nghiệp Minh Phú.
  - + 2002 - nay: Phó tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính Nhân sự Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú; Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Minh Phát, Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

**2.1.4- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa - Thành viên hội đồng quản trị**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 21/12/1969
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc: 0903.298.827
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + 1992-1996 Cán bộ Ngân hàng đầu tư và phát triển CN Hà Nội
  - + 1997-2002 Trưởng phòng ban quản lý các dự án tín dụng quốc tế Ngân hàng nhà nước Việt Nam.
  - + 2002-2005 Phó giám đốc Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam Sở giao dịch III
  - +2006- Nay Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư BIDV-Vietnam Partners.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Cty cổ phần thủy hải sản Minh Phú, Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư BIDV-Vietnam Partners.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

**2.1.5- Bà Đinh Ánh Tuyết - Thành viên hội đồng quản trị**

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 22/09/1973

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Bình- Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 2, ngõ 23 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0903.282.896
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật ( Đại học Luật Hà Nội), Thạc sĩ luật ( Đại học tổng hợp Pittsburg, Pennsylvania, USA), Thạc sĩ quản trị ( Đại học Solvay - Đại học tổng hợp tự do Bruxel, Bỉ- Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội )
- Quá trình công tác:
  - + 1996- 2001: Luật sư, Hãng luật Vovan & Associates, Pháp
  - + 2003-2006 : Luật sư trưởng, Văn phòng luật sư IDVN
  - + 2006- Nay : Luật sư cao cấp, Hãng luật Vilaf Hồng Đức
- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Minh Phú
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

**2.2 – Ban Tổng Giám đốc : Gồm 6 thành viên**

**2.2.1- Ông Lê Văn Quang - Tổng Giám đốc ( xem VII; 2.1.1 )**

**2.2.2- Bà Chu Thị Bình – Phó Tổng Giám đốc ( xem VII; 2.1.2 )**

**2.2.3- Ông Chu Văn An – Phó Tổng giám đốc ( xem VII; 2.1.3 )**

**2.2.4- Ông Thái Hoàng Hùng- Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1958
- Nơi sinh: Bạc Liêu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu Tập Thể Cty CP Thủy hải sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau
- Điện thoại liên lạc: 0780.3837804
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:
  - + 1982 - 1987: Học Đại học Thủy sản ở Nha Trang.
  - + 1987 - 1991: Phó Giám Đốc Xí nghiệp đông lạnh Bạc Liêu.
  - + 1992 - 1995: Trưởng phòng Máy công ty XNK Thủy sản Gia Rai Bạc Liêu
  - + 1995 – 1998: Trưởng phòng Máy Công ty Liên doanh NIGICO
  - + 1998 –2003 : Trưởng phòng kỹ thuật công ty XNK thủy sản Minh Phú-TNHH
  - + 2003 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật Công ty Minh Phú
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

**2.2.5- Ông Lê Văn Điệp- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 26-12-1972
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 22 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên lạc: 0780.3581979
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - + 1999-2002 : Phó phòng nghiệp vụ, Xí nghiệp CBTS thủy sản Minh Phú
  - + 2003- 2006 : P. Phó giám đốc tài chính Công ty XNK thủy sản Minh Phú
  - + 2006- 2007 : Thành viên hội đồng quản trị, P.Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.
  - + 01/01/2007- 06/05/2007 : Thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.
  - + 07/05/2007-31/12/2007 : Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.
  - + 2008- Nay : Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty TNHH CBTS Minh Quý và Công ty TNHH CBTS Minh Phát.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

**2.2.6- Ông Nguyễn Tấn Anh- Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 09-06-1974
- Nơi sinh: Bình Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: B1 Khu Tập Thể Cty CP Thủy hải sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau
- Điện thoại liên lạc: 0780.3668037
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:
  - + 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú
  - + 2000-2003: Trưởng phòng kinh doanh Minh Phú
  - + 2003-2006: Giám đốc kinh doanh Minh Phú
  - + 2006-nay: Phó Tổng Giám đốc Minh Phú
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty CP thủy hải sản Minh Phú.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

**2.3- Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên**

**2.3.1- Ông Phan Văn Dũng - Trưởng ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 26/10/1960
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Giang- Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 323-325 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc: 0913.911.525
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế- Kiểm toán viên công chứng
- Quá trình công tác:
  - + 1983-1991: Giảng viên, Trường đại học kinh tế TP.HCM, Kiêm chuyên viên kế toán Cty Imexco
  - + 1992-1997 : Kế toán trưởng Cty đầu tư và phát triển khu chế xuất Sài Gòn
  - + 1997-2004 : Phó giám đốc Cty kiểm toán AFC Sài Gòn, Giám đốc chi nhánh AFC Cần Thơ
  - + 2004-2006 : Giám đốc điều hành Cty hợp danh kiểm toán và tư vấn kế toán SGN.
  - + 2006- Nay : Giám đốc Cty TNHH kiểm toán và tư vấn Phan Dũng- PDAC, Giảng viên đại học quốc gia TP.HCM, Đại học dân lập Bình Dương.

- Chức vụ hiện tại : Trưởng ban kiểm soát Cty Minh Phú
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

**2.3.2- Bà Mai Thị Hoàng Minh - Thành viên ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 09/09/1965
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội - Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 103/35 Trần Huy Liệu, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc: 08.8531533
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế.
- Quá trình công tác:
  - + 1987: Tốt nghiệp Đại học kinh tế, chuyên viên kiểm tra, kiểm soát các thông tin kinh tế thuộc Trường đại học kinh tế Praha, Tiệp Khắc.
  - + 1989 : Giảng viên Trường đại học tài chính kế toán TP.HCM, nay là trường Đại học kinh tế TP.HCM.
  - + 2001 : Bảo vệ luận án tiến sĩ Trường đại học kinh tế TP.HCM
- Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát Cty Minh Phú, Giảng viên Trường đại học kinh tế TP.HCM
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

**2.3.3- Bà Nguyễn Việt Hồng - Thành viên ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 12/10/1968
- Nơi sinh: Vĩnh Lợi, Minh Hải
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Lợi, Minh Hải
- Địa chỉ thường trú: C4 Khu tập thể Hải Sản, K8, phường 8, Thành Phố Cà Mau
- Điện thoại liên lạc: (0780) 839391
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản.
- Quá trình công tác:
  - 1993 – 1999 Kế toán công ty Camimex
  - 1999 – 2006 Kế toán tại Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú
  - 2006 – 2007 Kế toán tại Công ty CP thủy hải sản Minh Phú
- Chức vụ hiện tại: Phó giám đốc tổ chức hành chính, thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP thủy hải sản Minh Phú
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

3- Thay đổi giám đốc ( Tổng giám đốc ) điều hành trong năm : Không

4- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tính đến hết ngày 31/12/2009 tổng số CBCNV của công ty là : 5.672 người

Trong đó :

| <b>Trình độ</b>       | <b>Số lượng cán bộ</b> | <b>Tỷ lệ %</b> |
|-----------------------|------------------------|----------------|
| Trình độ trên đại học | 1                      | 0,02           |
| Trình độ đại học      | 172                    | 3,03           |
| Trình độ cao đẳng     | 23                     | 0,41           |
| Trình độ trung cấp    | 207                    | 3,65           |
| Công nhân lành nghề   | 5.269                  | 92,89          |
| <b>Tổng số</b>        | <b>5.672</b>           | <b>100%</b>    |

**\* Thu nhập bình quân đầu người : 2.500.000 đồng/tháng**

\* Chính sách đối với người lao động :

- Đảm bảo đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động có hợp đồng lao động trên một năm.

- Tiền lương của tất cả cán bộ công nhân viên tính theo sản phẩm.

- Tiền thưởng hàng tháng bình bầu xếp loại A, B, C cho từng cán bộ công nhân viên theo tiêu chuẩn công việc hoàn thành xuất sắc và ngày công đầy đủ để xếp hạng thưởng.

5- Thay đổi thành viên hội đồng quản trị : Ngày 09 tháng 05 năm 2009 miễn nhiệm Ông Nguyễn Quốc Toàn thành viên HĐQT và bầu bổ sung Ông Nguyễn Nhân Nghĩa làm thành viên hội đồng quản trị.

**VIII- THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY :**

1.1. Hội đồng quản trị : Gồm 5 Thành viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|                          |                              |
|--------------------------|------------------------------|
| 1- Ông Lê Văn Quang      | Chủ tịch hội đồng quản trị   |
| 2- Bà Chu Thị Bình       | Thành viên hội đồng quản trị |
| 3- Ông Chu Văn An        | Thành viên hội đồng quản trị |
| 4- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa | Thành viên hội đồng quản trị |
| 5- Bà Đinh Ánh Tuyết     | Thành viên hội đồng quản trị |

**1.2. Ban tổng giám đốc : Gồm 6 thành viên**

|                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| 1- Ông Lê Văn Quang    | Tổng giám đốc     |
| 2- Bà Chu Thị Bình     | Phó tổng giám đốc |
| 3- Ông Chu Văn An      | Phó tổng giám đốc |
| 4- Ông Thái Hoàng Hùng | Phó tổng giám đốc |
| 5- Ông Lê Văn Điệp     | Phó tổng giám đốc |
| 6- Ông Nguyễn Tấn Anh  | Phó tổng giám đốc |

**1.3. Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên**

|                         |                          |
|-------------------------|--------------------------|
| 1- Ông Phan Văn Dũng    | Trưởng ban kiểm soát     |
| 2- Bà Mai Thị Hồng Minh | Thành viên ban kiểm soát |
| 3- Bà Nguyễn Việt Hồng  | Thành viên ban kiểm soát |

**1.4. Hoạt động của hội đồng quản trị :**

- Ngày 09 tháng 05 năm 2009 Hội đồng quản trị tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông năm 2009.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2009 Hội đồng quản trị thông qua việc tăng vốn điều lệ Cty TNHH Minh Phú Hậu Giang từ 90 tỷ lên 150 tỷ và lập dự án thành lập Cty Cổ phần cảng Minh Phú Hậu Giang với vốn điều lệ 200 tỷ trong đó Minh Phú góp 40%.

1.5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

1.6. Các tiểu ban trong HĐQT và vai trò của nó ( Ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban bổ nhiệm...)

- Hội đồng tiền lương : Xét duyệt tăng bậc lương, hệ số lương thưởng, xét lương thưởng cho từng bộ phận.

- Ban quản lý dự án đầu tư : Lập phương án đầu tư , quản lý và theo dõi, giám sát và đôn đốc dự án đầu tư.

1.7. Hoạt động của ban kiểm soát : Thường xuyên kiểm tra kiểm soát toàn diện trên tất cả các mặt như : Chính sách tiền lương, tiền thưởng, Tính chấp hành chính sách chế độ về quản lý tài chính , chế độ kế toán nhà nước ban hành. Thực hiện việc đầu tư, kiểm tra việc thực hiện quyền lợi của nhà đầu tư, kiểm soát việc thực hiện các quy chế của công ty.

1.8. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của công ty : Từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của công ty, giảm thiểu chi phí và định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

**1.9. Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát**

| <b>STT</b> | <b>Nội dung</b>   | <b>Số tiền</b>     |
|------------|-------------------|--------------------|
| 1          | Hội đồng quản trị | 300.000.000        |
| 2          | Ban kiểm soát     | 72.000.000         |
|            | <b>Tổng cộng</b>  | <b>372.000.000</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

1.10. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS:

| ST<br>T | Họ và tên   | Quan<br>hệ | Ngày 01/01/2009 |       | Ngày 31/12/2009 |         | Thay đổi( +/-) |      |
|---------|---|------------|-----------------|-------|-----------------|---------|----------------|------|
|         |   |            | SL              | %     | SL              | %       | SL             | %    |
| 1       | Lê Văn Quang- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc          |            | 15.961.000      | 22,80 | 15.961.000      | 22,80   | 0              | 0    |
|         | Chu Thị Bình – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc   | Vợ         | 16.441.190      | 23,49 | 17.475.010      | 24,96   | 1.033.820      | 1,47 |
|         | Lê Thị Dịu Minh   | Con        | 6.600.000       | 9,43  | 6.600.000       | 9,43    | 0              | 0    |
|         | Lê Văn Điệp – Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính | Em ruột    | 1.965.445       | 2,81  | 1.965.445       | 2,81    | 0              | 0    |
| 2       | Chu Văn An – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc     |            | 1.109.400       | 1,58  | 1.109.400       | 1,58    | 0              | 0    |
|         | Nguyễn T. Kim Trọng                                     | Vợ         | 17.166          | 0,025 | 17.166          | 0,025 % | 0              | 0    |
| 3       | Đình Anh Tuyết- Thành viên HĐQT                         |            | 5.000           | 0,007 | 5.000           | 0,007   | 0              | 0    |
| 4       | Nguyễn Nhân Nghĩa- Thành viên HĐQT                      | -          | -               | -     | -               | -       | -              | -    |
| 5       | Lưu Minh Trung – Kế toán trưởng                         |            | -               | -     | -               | -       | -              | -    |
| 6       | Phan Văn Dũng- Trưởng ban kiểm soát                     |            | 3.000           | 0,004 | 3.000           | 0,004   | 0              | 0    |
| 7       | Nguyễn Việt Hồng- Thành viên BKS                        |            | 7.800           | 0,011 | 7.800           | 0,011   | 0              | 0    |
| 8       | Mai thị Hoàng Minh- Thành viên ban kiểm soát            |            | 3.000           | 0,004 | 3.000           | 0,004   | 0              | 0    |

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông : Tại ngày 05/03/2010**

**2.1 Cổ đông trong nước :**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước: 60.446.730 cổ phiếu chiếm 86,35%

Trong đó :

+ Cổ đông tổ chức : 16.058.821 cổ phiếu chiếm 22,94%

+ Cổ đông cá nhân : 53.941.179 cổ phiếu chiếm 77,06%

- Thông tin về các cổ đông lớn :

+ Cổ 03 cổ đông là tổ chức nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên :

1. Vietnam Investment Fund II : 5,00% Cổ phần

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

|  |   |                |
|--|---|----------------|
| 2. Red River Holding                             | : | 6,91% Cổ phần  |
| 3. Vietnam Investment Fund                       | : | 6,17% Cổ phần  |
| + Có 6 cổ đông nắm giữ 5 % cổ phiếu trở lên là : |   |                |
| 1. Ông Lê Văn Quang                              |   | 22,80% Cổ phần |
| 2. Bà Chu Thị Bình                               |   | 24,96% Cổ phần |
| 3. Bà Lê Thị Diệu Minh                           |   | 9,43% Cổ phần  |
| 4. Vietnam Investment Fund II                    |   | 5,00% Cổ phần  |
| 5. Red River Holding                             | : | 6,91% Cổ phần  |
| 6. Vietnam Investment Fund                       | : | 6,17% Cổ phần  |

**2.2 Cổ đông nước ngoài :**

- Tổng số cổ phần của tổ chức và cá nhân nước ngoài nắm giữ : 9.553.270 CP chiếm 13,65%
  - + Cổ đông cá nhân : 165.220 Cổ phần chiếm 0,24%
  - + Cổ đông tổ chức : 9.388.050 Cổ phần chiếm 13,41%
- Thông tin về cổ đông nước ngoài lớn chiếm 5% cổ phần trở lên : có 02 cổ đông
  - 1. Vietnam Investment Fund II : 5,00% Cổ phần
  - 2. Red River Holding : 6,91% Cổ phần

*Cà mau, ngày 25 tháng 03 năm 2010*

**Tổng Giám Đốc**

**Lê Văn Quang**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**